

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/DS-ST**

Ngày: 06/4/2021

*“V/v Tranh chấp về huê, hụi”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Hưng Quang

2/ Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLST-DS ngày 20/10/2020 về việc “Tranh chấp về huê, hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-DS, ngày 25/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐDS-ST ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: vợ chồng bà **Võ Th** – sinh năm 1980

Ông **Nguyễn S** – sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: thôn VP, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: vợ chồng bà **Trần M** – sinh năm 1979

Ông **Nguyễn C** – sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: thôn VT, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

*Người làm chứng:*

1/ Nguyễn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn VT, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

2/ Nguyễn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn VP, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

3/ Võ T N, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn VT, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

4/ Nguyễn B, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn VT, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, bị đơn bà Trần M, vắng mặt bị đơn ông Nguyễn C và những người làm chứng)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, lời khai và tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nguyên đơn bà Võ Th trình bày:

Năm 2016 và năm 2017 bà có chơi của bà Trần M 04 đầu huê, thời gian đầu bà chỉ chơi mỗi đầu huê 01 phần, nhưng do khi có người hót huê bà M không có tiền chồng huê cho những người chơi nên bà M gọi cho bà mua huê của những người này, do là chỗ thân tình nên bà tin tưởng mua, do đó số phần huê bà chơi ngày càng nhiều.

Cuối năm 2017 bà hót 04 đầu huê với tổng số tiền là 630.750.000 đồng (S trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Khi bà hót huê bà M không chồng tiền cho bà vì bà M bị vỡ nợ, bà M chỉ viết giấy nợ và hẹn sẽ trả dần hàng tháng 6.000.000 đồng. Bà M chỉ trả được cho bà số tiền 14.000.000 đồng rồi ngưng, mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà bà M yêu cầu vợ chồng bà M ông C trả nợ nhưng vợ chồng bà M cứ hẹn hoài.

Cuối năm 2019 vợ chồng bà có khởi kiện vợ chồng bà M ra Tòa, ngày 19/02/2020 tại Tòa bà M có viết giấy thỏa thuận sẽ trả cho bà hàng tháng 5.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà M vẫn không thực hiện theo thỏa thuận, bà M chỉ trả cho bà hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Quá trình xựng huê, hót huê và đấu huê diễn ra tại nhà bà M, có chồng bà M là ông Nguyễn C biết và tham gia chơi huê, vợ chồng bà nhiều lần đến nhà có gặp ông C để yêu cầu trả nợ và ông C có hẹn sẽ trả dần. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng bà M chỉ trả cho bà được 27.000.000 đồng, hiện nay còn nợ vợ chồng bà số tiền 603.750.000 đồng (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu vợ chồng bà M trả số tiền 614.750.000 đồng, trong khoảng thời gian đang chờ Tòa thụ lý vụ án thì vợ chồng bà M có trả cho bà thêm 11.000.000 đồng. Nên bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C phải hoàn trả số nợ **603.750.000 đồng (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)**, bà không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không có yêu cầu khác.

Tại Tòa nguyên đơn ông Nguyễn S thống nhất với lời trình bày của bà Võ Th, ông không trình bày bổ sung.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Trần M trình bày: Bà làm thủ huê từ năm 2016, quá trình xựng huê, hót huê và đấu huê đều diễn ra tại nhà vợ chồng bà, chồng bà ông Nguyễn C có biết, có tham gia chơi và hót huê.

Cuối năm 2017 bà Võ Th hót huê được số tiền 630.750.000 đồng (S trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Do bà bị vỡ nợ nên không có tiền

chồng huê cho bà Võ Th, bà có viết giấy hẹn sẽ trả dần cho bà Th nhưng do kinh tế khó khăn không có điều kiện trả. Đầu năm 2020 vợ chồng bà Th khởi kiện ra Tòa, bà có viết giấy xác nhận nợ hứa trả hàng tháng 5.000.000 đồng nhưng do tình hình dịch bệnh nên bà chỉ trả cho vợ chồng bà Th hàng tháng từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, bà đã trả được cho bà Th số tiền 15.000.000 đồng, hiện còn nợ bà Th hơn 600.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà Th khởi kiện yêu cầu bà phải trả số nợ 603.750.000 đồng thì bà đồng ý trả cho vợ chồng bà Th. Tuy nhiên bà không đồng ý việc vợ chồng Th yêu cầu chồng bà là ông Nguyễn C phải có trách nhiệm liên đới vì đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến ông C.

Theo biên bản ghi lời khai ông Nguyễn C trình bày: Vợ ông bà Trần M làm thủ huê còn ông làm thợ mộc tại nhà, quá trình chơi huê diễn ra tại nhà ông, ông có biết việc chơi huê của bà Th và vợ ông, tuy nhiên việc bà M nợ tiền huê của bà Th bao nhiêu thì ông không biết và ông cũng không liên quan gì đến số nợ này nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của vợ chồng bà Võ Th.

Người làm chứng bà Võ T N trình bày: Bà Trần M làm thủ huê đã nhiều năm, vào năm 2016 bà có chơi của bà Trần M 01 đầu huê. Quá trình xưng huê, hốt huê diễn ra tại nhà bà M, còn việc đi thu tiền huê thì tùy lúc có khi tại nhà bà M, có lúc ông C đi thu tiền huê chết. Trong danh sách tham gia chơi huê có cả vợ chồng bà M ông C tham gia, bà M và ông C thay nhau hốt đầu tiên.

Người làm chứng bà Nguyễn B trình bày: Bà Trần M làm thủ huê đã nhiều năm, vào năm 2016 bà có chơi của bà Trần M 01 đầu huê. Quá trình xưng huê, hốt huê diễn ra tại nhà bà M, còn việc đi thu tiền huê thì tùy lúc có khi tại nhà bà M, đôi lúc ông C thay bà M thu tiền huê chết.

Người làm chứng bà Nguyễn B trình bày: Bà Trần M làm thủ huê đã nhiều năm, vào năm 2016 bà có chơi của bà Trần M 01 đầu huê. Quá trình xưng huê, hốt huê diễn ra tại nhà bà M, còn việc đi thu tiền huê thì tùy lúc có khi tại nhà bà M, đôi lúc ông C thay bà M thu tiền huê chết. Trong danh sách tham gia chơi huê có cả vợ chồng bà M ông C tham gia, bà M và ông C thay nhau hốt đầu tiên.

Người làm chứng bà Nguyễn N trình bày: Bà Trần M làm thủ huê đã nhiều năm, vào năm 2016 bà có chơi của bà Trần M 01 đầu huê. Quá trình xưng huê, hốt huê diễn ra tại nhà bà M, còn việc đi thu tiền huê thì tùy lúc có khi tại nhà bà M, đôi lúc ông C thay bà M thu tiền huê chết. Trong danh sách tham gia chơi huê có cả ông C và bà M chơi, vợ chồng bà M thay nhau hốt đầu tiên.

Do các đương sự không thỏa thuận được nên Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: vợ chồng ông Nguyễn S và bà Võ Th đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn bà Trần M và ông Nguyễn C đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do tại phiên họp C khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày 18/3/2021, tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn C tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông C là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Võ Th và ông Nguyễn S số tiền 603.750.000đ (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vợ chồng ông bà Trần M và ông Nguyễn C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C có nơi cư trú tại: thôn VT, xã V, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C trả 603.750.000 đồng tiền nợ huê nên xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp về huê, hui” quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy thừa nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 19/02/2020, tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 154 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn ông Nguyễn C vắng mặt tại phiên tòa ngày

18/3/2021, tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn C theo quy định của pháp luật;

[2] Về nội dung vụ án: tại phiên tòa vợ chồng bà Võ Th và ông Nguyễn S yêu cầu vợ chồng ông bà Trần M và ông Nguyễn C phải trả số tiền huê, hụi còn nợ là 603.750.000đ (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

Giấy nợ ngày 29/11/2017 có chữ ký của bà Trần M và bà Võ Th;

Giấy thừa nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 19/02/2020 có chữ ký của bà Trần M và bà Võ Th;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy bà Trần M có nợ tiền huê của vợ chồng bà Võ Th. Việc này phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như giấy nợ, giấy thừa nhận nợ và phù hợp với lời khai của bị đơn là bà Trần M thừa nhận còn nợ nguyên đơn 603.750.000 đồng.

Theo lời khai của bà Trần M, của ông Nguyễn C và lời khai của những người làm chứng đều khẳng định việc bà M làm thủ huê đã nhiều năm nay và quá trình xúng huê, hốt huê, đóng huê chết đều diễn ra tại nhà bà M ông C, ông Nguyễn C có biết việc sự việc trên nhưng không có ý kiến gì phản đối. Ngoài ra tại phiên tòa bà M còn khẳng định việc ông C có tham gia chơi và hốt huê do bà làm thủ huê, ngoài việc làm thủ huê bà không làm C việc nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc chơi huê đúng pháp luật được thực hiện C khai minh bạch và được pháp luật bảo vệ. Bà M làm chủ nhiều đầu huê, mỗi đầu huê được thực hiện trong thời gian dài tại nhà vợ chồng bà M ông C đang chung sống. Như vậy, việc làm thủ huê của bà M như là một nghề kiếm thêm thu nhập để phục vụ cho gia đình của bà M ông C. Bà M và ông C là vợ chồng hợp pháp, do đó việc ông C cho rằng đây là nợ riêng của bà M và không đồng ý cùng với bà Trần M liên đới trả số nợ cho vợ chồng bà Th là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định bà Trần M và ông Nguyễn C có nợ tiền huê của vợ chồng bà Võ Th nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó vợ chồng bà Võ Th ông Nguyễn S khởi kiện yêu cầu bà Trần M và ông Nguyễn C phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 603.750.000đ (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc thay đổi số tiền khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229; khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Võ Th và ông Nguyễn S.

2. Buộc vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Võ Th và ông Nguyễn S số tiền **603.750.000đ (S trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).**

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: vợ chồng bà Trần M và ông Nguyễn C phải nộp **28.150.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Th và ông Nguyễn S số tiền **7.250.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009056 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử C khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn bà Trần M, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2021).

Bị đơn ông Nguyễn C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết C khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Thị Mỹ Kỳ**